

NĂNG LỰC SỬ DỤNG TỪ NGỮ PHÙ HỢP NGỮ CẢNH Ở TRẺ MẦM NON: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ VÀ GỢI Ý HƯỚNG TIẾP CẬN

Phạm Diệp Thảo My, Vũ Thị Hải Anh
Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Trong bối cảnh giáo dục mầm non định hướng phát triển năng lực, khả năng sử dụng từ ngữ phù hợp ngữ cảnh là thành tố cốt lõi của năng lực giao tiếp nhưng thường bị lu mờ trước các mục tiêu mở rộng vốn từ và rèn phát âm. Bài viết này tổng quan các nghiên cứu quốc tế về phát triển ngôn ngữ ngữ dụng ở trẻ nhỏ, tập trung vào ba trục: (i) sự hình thành năng lực ngữ dụng trong tương tác xã hội đầu đời; (ii) các công cụ và chương trình đánh giá, can thiệp năng lực ngữ dụng; (iii) vai trò của học qua chơi và guided play trong phát triển giao tiếp. Phương pháp nghiên cứu là tổng quan tài liệu có chọn lọc, phân tích và hệ thống hóa những kết quả then chốt. Kết quả dự kiến chỉ ra rằng năng lực sử dụng ngôn ngữ theo ngữ cảnh vừa có thể đo lường, vừa có thể phát triển thông qua các hình thức chơi tương tác có hướng dẫn. Từ đó, bài viết đề xuất một số định hướng cho giáo dục mầm non Việt Nam: xác lập rõ mục tiêu ngữ dụng trong chương trình, tích hợp trò chơi tương tác vào hoạt động phát triển ngôn ngữ và xây dựng dần các công cụ đánh giá năng lực sử dụng từ ngữ phù hợp ngữ cảnh phù hợp điều kiện lớp học.

Từ khóa: Năng lực ngữ dụng; sử dụng từ ngữ phù hợp ngữ cảnh; trẻ mầm non; trò chơi tương tác có hướng dẫn.

THE ABILITY TO USE CONTEXTUALLY APPROPRIATE VOCABULARY IN PRESCHOOL CHILDREN: AN INTERNATIONAL RESEARCH REVIEW AND SUGGESTED APPROACHES

Abstract: In competency-based early childhood education, the ability to use contextually appropriate words is a core component of young children's communicative competence, yet it is often overshadowed by goals such as vocabulary expansion and articulation practice. This article reviews international research on pragmatic language development in early childhood, organised around three strands: (i) the emergence of pragmatic competence through early social interaction; (ii) tools and programmes for assessing and intervening in pragmatic skills; and (iii) the role of learning through play and guided play in fostering children's communication. Methodologically, the study adopts a selective literature review, analysing and synthesising key findings across these strands. The review suggests that children's ability to use language in context is both measurable and malleable, and can be effectively nurtured through well-designed forms of interactive, guided play. Building on these insights, the article proposes several directions for Vietnamese early childhood education: explicitly articulating pragmatic goals within the language curriculum, integrating interactive games and guided play into language development activities, and gradually developing classroom-feasible tools for assessing young children's contextually appropriate word use.

Keywords: Pragmatic competence; contextually appropriate word use; early childhood; guided interactive play.

Nhận bài: 15/03/2026

Phản biện: 13/04/2026

Duyệt đăng: 17/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự chuyển dịch từ dạy học định hướng nội dung sang phát triển năng lực (NL) đang đặt ra yêu cầu nhìn nhận lại vai trò của ngôn ngữ trong Giáo dục mầm non (GDMN). Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện giao tiếp đơn thuần mà còn là nền tảng của tư duy và sự tham gia xã hội của trẻ. Trong cấu trúc NL ấy, khả năng sử dụng từ ngữ phù hợp ngữ cảnh – tức biết lựa chọn cách xưng hô, từ ngữ và cách diễn đạt tương thích với đối tượng, tình huống và mục đích giao tiếp – giữ vị trí then chốt, góp phần hình thành NL giao tiếp hiệu quả và những chuẩn mực ứng xử văn minh ngay từ những năm đầu đời. Tuy nhiên, thực tiễn GDMN cho thấy các hoạt động phát triển ngôn ngữ vẫn chủ yếu tập trung vào mở rộng vốn từ, rèn phát âm và xây dựng câu, trong khi khía cạnh ngữ dụng – đặc biệt là sử dụng ngôn ngữ theo ngữ cảnh – chưa được xác lập như một mục tiêu phát triển độc lập và có hệ thống. Điều này dẫn đến sự thiếu hụt trong việc định hướng, đánh giá và tổ

chức hoạt động giáo dục nhằm hình thành NL này cho trẻ. Trong khi đó, các nghiên cứu quốc tế đã chỉ ra rằng NL ngữ dụng có thể được đo lường, phát triển thông qua tương tác xã hội và các can thiệp có chủ đích, đặc biệt trong các môi trường học qua chơi – nơi trẻ được tham gia vào các tình huống giao tiếp giàu ngữ cảnh và có định hướng. Tuy nhiên, những kết quả này chưa được hệ thống hóa dưới góc nhìn tập trung vào NL sử dụng từ ngữ phù hợp ngữ cảnh trong bối cảnh GDMN Việt Nam. Từ đó, bài viết thực hiện tổng quan các nghiên cứu quốc tế liên quan nhằm làm rõ cấu trúc, cách tiếp cận và xu hướng phát triển NL này, đồng thời gợi ý một số định hướng vận dụng phù hợp với bối cảnh trong nước.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp tổng quan tài liệu dạng tường thuật với tiêu chí lựa chọn đã được xác định, kết hợp phân tích – tổng

hợp nhằm nhận diện các khuynh hướng nghiên cứu về NL sử dụng từ ngữ phù hợp ngữ cảnh ở trẻ mầm non.

Tài liệu được truy xuất từ các cơ sở dữ liệu học thuật uy tín trong lĩnh vực tâm lý học phát triển, ngôn ngữ học ứng dụng và GDMN, cùng với các báo cáo của tổ chức chuyên môn (NAEYC, UNICEF) và một số công trình nền tảng. Các từ khóa chính bao gồm: pragmatic language development, pragmatic competence, early childhood, language use in context, pragmatic intervention, guided play. Tiêu chí lựa chọn tập trung vào các nghiên cứu liên quan đến phát triển ngữ dụng ở trẻ 0–5 tuổi; có khung lý thuyết, công cụ đánh giá hoặc mô hình can thiệp rõ ràng; gắn với phát triển giao tiếp trong bối cảnh học qua chơi hoặc tương tác xã hội.

Trên cơ sở đó, tài liệu được phân loại thành ba nhóm: (1) sự hình thành và phát triển NL ngữ dụng trong các tương tác xã hội đầu đời; (2) các công cụ đánh giá và mô hình can thiệp nhằm đo lường và phát triển NL ngữ dụng; (3) các tiếp cận học thông qua trò chơi có định hướng như những môi trường giàu ngữ cảnh cho việc thực hành và điều chỉnh hành vi ngôn ngữ. Việc phân tích hướng tới xác định các xu hướng chủ đạo, điểm hội tụ và khoảng trống nghiên cứu, làm nền tảng cho các gợi ý tiếp cận trong GDMN Việt Nam.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Sự hình thành và phát triển NL ngữ dụng trong tương tác xã hội đầu đời

Các nghiên cứu trong hai thập niên gần đây nhất quán khẳng định rằng NL ngữ dụng của trẻ không phải là kết quả phát triển muộn sau khi đã hoàn thiện các thành phần ngôn ngữ hình thức, mà được hình thành sớm trong các tương tác xã hội có ý nghĩa. Từ góc nhìn của Lev Vygotsky (1978), sự phát triển ngôn ngữ diễn ra trong “vùng phát triển gần nhất”, nơi trẻ tham gia vào các hoạt động chung với người khác và dần nội tại hóa các quy tắc sử dụng ngôn ngữ gắn với vai trò và bối cảnh giao tiếp. Tiếp cận này được củng cố bởi Michael Tomasello (2003), khi ông cho rằng trẻ học ngôn ngữ thông qua các “kịch bản tương tác” có mục đích, trong đó việc lựa chọn biểu thức ngôn ngữ luôn gắn với người nghe và tình huống cụ thể.

Ở bình diện tổng quan, phân tích bản đồ tri thức của Alduais et al. (2022) cho thấy nghiên cứu về phát triển ngữ dụng tập trung vào ba trục chính: mối liên hệ với phát triển nhận thức – xã hội, các phương thức đánh giá, và các mô hình can thiệp. Điều này phản ánh một chuyển dịch quan trọng:

NL ngữ dụng được nhìn nhận như một cấu trúc phát triển độc lập, có thể mô tả và nghiên cứu một cách hệ thống, thay vì chỉ là hệ quả của vốn từ và cú pháp.

Các nghiên cứu về khác biệt cá nhân tiếp tục làm rõ bản chất phức hợp của NL này. Matthews et al. (2018) chỉ ra rằng khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp ngữ cảnh có mối liên hệ chặt chẽ với NL ngôn ngữ hình thức, nhận thức xã hội và chức năng điều hành. Điều này cho thấy ngữ dụng không thể được hiểu như một kỹ năng ngôn ngữ đơn lẻ, mà là kết quả của sự tương tác giữa nhiều hệ thống nhận thức. Bổ sung cho quan điểm này, Pouscoulous (2023) chứng minh rằng các NL như hiểu nghĩa hàm ẩn, nghĩa bóng hay mỉa mai không phát triển theo một tiến trình tuyến tính duy nhất, mà dựa trên những cơ chế nhận thức khác nhau và có thể tiến triển không đồng đều.

Từ các kết quả trên, có thể rút ra rằng NL sử dụng từ ngữ phù hợp ngữ cảnh ở trẻ mầm non là một cấu trúc đa thành phần, hình thành sớm trong tương tác xã hội và chịu chi phối đồng thời bởi các yếu tố ngôn ngữ, nhận thức và kinh nghiệm giao tiếp. Cách nhìn này đặt nền tảng quan trọng cho việc thiết kế các hoạt động giáo dục không chỉ nhằm “dạy từ” hay “dạy câu”, mà hướng tới tổ chức các tình huống giao tiếp có ý nghĩa để trẻ thực hành và điều chỉnh hành vi ngôn ngữ.

2.2.2. Các công cụ đánh giá và mô hình can thiệp NL ngữ dụng

Song song với việc xác lập vị trí độc lập của ngữ dụng, các nghiên cứu đã phát triển nhiều công cụ nhằm đo lường và can thiệp vào NL này ngay từ giai đoạn mầm non. Một trong những khung nền tảng là Pragmatic Protocol của Prutting và Kirchner (1987), trong đó NL ngữ dụng được đánh giá thông qua các hành vi quan sát được trong tương tác, như quản lý chủ đề, điều chỉnh lời nói theo người nghe hay tuân thủ các quy tắc xã hội của giao tiếp. Cách tiếp cận này có ý nghĩa quan trọng ở chỗ nó chuyển ngữ dụng từ một khái niệm trừu tượng thành một hệ thống hành vi có thể mô tả và đánh giá.

Với lứa tuổi nhỏ hơn, thang đo Language Use Inventory (LUI) do O’Neill (2007) phát triển cung cấp một hướng tiếp cận gián tiếp nhưng có độ tin cậy cao thông qua báo cáo của phụ huynh về hành vi giao tiếp của trẻ trong đời sống hàng ngày. Công cụ này cho thấy NL ngữ dụng không nhất thiết phải được đánh giá trong các tình huống kiểm tra chính thức, mà có thể được nhận diện thông qua các mẫu sử dụng ngôn ngữ trong bối cảnh tự nhiên.

Ở bình diện can thiệp, nghiên cứu của Pereira et al. (2022) về Pragmatic Intervention Programme (PICP) cho thấy NL ngữ dụng có thể được cải thiện đáng kể thông qua các hoạt động tương tác có cấu trúc như trò chơi vai, tình huống giao tiếp giả lập và các nhiệm vụ hội thoại có định hướng. Kết quả thực nghiệm khẳng định rằng các hành vi như khởi xướng, duy trì và điều chỉnh cuộc thoại không chỉ có thể dạy được mà còn có thể đo lường được một cách đáng tin cậy.

Tổng hợp các hướng nghiên cứu này cho thấy NL sử dụng từ ngữ phù hợp ngữ cảnh là một lĩnh vực có thể đánh giá và can thiệp một cách hệ thống, với sự kết hợp giữa quan sát hành vi, báo cáo từ người chăm sóc và các chương trình can thiệp có thiết kế rõ ràng. Điều này mở ra khả năng quan trọng cho GDMN: chuyển từ việc “nhận xét cảm tính” sang xây dựng các tiêu chí và công cụ quan sát cụ thể nhằm theo dõi và phát triển NL ngữ dụng của trẻ.

2.2.3. Học thông qua trò chơi có định hướng như môi trường phát triển NL ngữ dụng

Một trong những hướng tiếp cận nổi bật trong nghiên cứu quốc tế là xem chơi như môi trường trung tâm của sự phát triển ngôn ngữ, đặc biệt là NL ngữ dụng. Các tài liệu định hướng của National Association for the Education of Young Children (2020) và UNICEF (2018) đều khẳng định rằng chơi không chỉ là hoạt động tự nhiên mà còn là phương thức học tập cốt lõi, trong đó trẻ liên tục sử dụng ngôn ngữ để thương lượng, hợp tác và kiến tạo ý nghĩa.

Tổng quan của Zosh et al. (2017) cho thấy các chương trình học thông qua chơi có tác động tích cực đến phát triển ngôn ngữ, kỹ năng xã hội và khả năng tự điều chỉnh. Tuy nhiên, không phải mọi hình thức chơi đều có giá trị như nhau. Trong khung phân tích này, Weisberg et al. (2016) đề xuất khái niệm chơi có định hướng như một dạng trung gian giữa chơi tự do và dạy học trực tiếp, trong đó người lớn thiết kế bối cảnh và mục tiêu, nhưng vẫn duy trì tính chủ động của trẻ trong hoạt động.

Trong môi trường này, trẻ không chỉ tham gia vào hoạt động mà còn liên tục phải sử dụng ngôn ngữ để giải thích, thuyết phục, đặt câu hỏi và phản hồi. Chính quá trình tương tác này tạo điều kiện cho trẻ thực hành việc điều chỉnh lời nói theo người nghe và tình huống – tức là cốt lõi của NL ngữ dụng. Từ góc nhìn rộng hơn, Hirsh-Pasek et al. (2015) nhấn mạnh rằng một môi trường học tập chỉ thực sự có ý nghĩa khi tạo ra

được không gian tương tác, nơi trẻ tham gia tích cực vào việc kiến tạo ý nghĩa, thay vì chỉ thực hiện các thao tác lặp lại.

Bổ sung cho cách tiếp cận này, Zosh et al. (2018) đề xuất nhìn chơi như một phổ liên tục, trong đó chơi có định hướng chiếm vị trí trung gian, kết hợp được cả tính tự nguyện và mục tiêu học tập. Từ góc độ phát triển ngữ dụng, có thể xem các hình thức chơi tương tác – đặc biệt là chơi có định hướng – như một “không gian thử nghiệm xã hội”, nơi trẻ được thử nghiệm, điều chỉnh và dần nội tại hóa các chuẩn mực sử dụng ngôn ngữ trong những bối cảnh có ý nghĩa.

Từ các phân tích trên, có thể khẳng định rằng môi trường chơi có định hướng là điều kiện đặc biệt thuận lợi để phát triển NL sử dụng từ ngữ phù hợp ngữ cảnh, bởi nó tích hợp đồng thời ba yếu tố cốt lõi: tính tương tác, tính bối cảnh và sự hỗ trợ có chủ đích từ người lớn. Đây cũng là cơ sở quan trọng để đề xuất các mô hình tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ trong GDMN theo hướng tích hợp ngữ dụng vào các tình huống giao tiếp giàu ý nghĩa.

III. KẾT LUẬN

Tổng quan các nghiên cứu quốc tế cho thấy NL sử dụng từ ngữ phù hợp ngữ cảnh được xác định như một thành tố trung tâm của NL giao tiếp ở trẻ nhỏ, gắn chặt với cấu trúc NL ngữ dụng và phát triển sớm trong dòng tương tác xã hội đầu đời. Ba trục nghiên cứu chính về ngữ dụng ở trẻ em được phân tích: (i) sự hình thành và phát triển NL ngữ dụng trong tương tác xã hội đầu đời; (ii) các công cụ đánh giá và mô hình can thiệp; (iii) vai trò của học thông qua chơi, đặc biệt là trò chơi có định hướng (guided play), như môi trường giàu ngữ cảnh cho việc thực hành và điều chỉnh hành vi ngôn ngữ.

Về cơ sở lý thuyết phát triển, các nghiên cứu đã làm rõ rằng NL ngữ dụng hình thành sớm trong tương tác với người lớn và bạn bè, và không tách rời các hệ thống nhận thức khác như ngôn ngữ hình thức, nhận thức xã hội, chức năng điều hành. Việc sử dụng ngôn ngữ theo ngữ cảnh gắn với khả năng hiểu người khác, điều chỉnh hành vi giao tiếp và tham gia vào các thực hành xã hội có ý nghĩa, thay vì chỉ phụ thuộc vào vốn từ hay cấu trúc ngữ pháp. Như vậy, NL sử dụng từ ngữ phù hợp ngữ cảnh ở trẻ mầm non có thể được xem như một cấu trúc đa thành phần, được hình thành dần qua trải nghiệm giao tiếp.

Về đo lường và can thiệp, nhiều công cụ và chương trình đã được xây dựng, cho phép quan sát, đánh giá và phát triển NL ngữ dụng thông

qua các hành vi giao tiếp cụ thể. Các khung như Pragmatic Protocol, Language Use Inventory (LUI) và các chương trình can thiệp ngữ dụng cho thấy ngữ dụng không phải là một NL “mơ hồ”, mà hoàn toàn có thể được tiếp cận bằng những tiêu chí rõ ràng và các thiết kế can thiệp có kiểm soát, kể cả với trẻ mầm non.

Về môi trường phát triển, các nghiên cứu nhất quán nhấn mạnh vai trò của các tình huống giao tiếp giàu ngữ cảnh, đặc biệt là học thông qua chơi và các hình thức chơi có định hướng, như môi trường tối ưu để trẻ thực hành và điều chỉnh việc sử dụng ngôn ngữ. Trong những bối cảnh này, trẻ liên tục phải thương lượng, hợp tác, giải quyết vấn đề bằng lời nói, qua đó nội tại hóa dần các chuẩn mực sử dụng từ ngữ phù hợp với người nghe và tình huống.

Bên cạnh những thành tựu trên, tổng quan cũng cho thấy một số khoảng trống nghiên cứu: phần lớn công trình tập trung vào bối cảnh giáo dục phương Tây hoặc trẻ có rối loạn phát triển, trong khi các nghiên cứu về trẻ phát triển điển hình trong những bối cảnh văn hóa – ngôn ngữ khác còn hạn chế; khái niệm “sử dụng từ ngữ phù hợp ngữ cảnh” thường được tiếp cận phân tán trong các nghiên cứu về ngữ dụng nói chung, chưa được hệ thống hóa như một cấu trúc NL gắn trực tiếp với hoạt động giáo dục; và mặc dù vai trò của chơi đã được khẳng định, việc chuyển hóa các nguyên lý này thành mô hình tổ chức hoạt động cụ thể trong lớp học vẫn còn chưa đồng đều. Những khoảng trống này mở ra hướng nghiên cứu và phát triển tiếp theo cho bối cảnh GDMN Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alduais, A., Al-Qaderi, I., & Alfadda, H. (2022). Pragmatic language development: Analysis of mapping knowledge domains on how infants and children become pragmatically competent. *Children*, 9(9), 1407. <https://doi.org/10.3390/children9091407>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Chương trình giáo dục mầm non (Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT)*. Hà Nội.
- Hirsh-Pasek, K., Zosh, J. M., Golinkoff, R. M., Gray, J. H., Robb, M. B., & Kaufman, J. (2015). Putting education in “educational” apps: Lessons from the science of learning. *Psychological Science in the Public Interest*, 16(1), 3–34. <https://doi.org/10.1177/1529100615569721>
- Matthews, D., Biney, H., & Abbot-Smith, K. (2018). Individual differences in children’s pragmatic ability: A review of associations with formal language, social cognition and executive functions. *Language Learning and Development*, 14(3), 186–223. <https://doi.org/10.1080/15475441.2018.1455584>
- National Association for the Education of Young Children. (2020). *Developmentally appropriate practice in early childhood programs serving children from birth through age 8 (Position statement)*. Washington, DC: NAEYC.
- O’Neill, D. K. (2007). The Language Use Inventory for young children: A parent-report measure of pragmatic language development for 18- to 47-month-old children. *Journal of Speech, Language, and Hearing Research*, 50(1), 214–228. [https://doi.org/10.1044/1092-4388\(2007/017\)](https://doi.org/10.1044/1092-4388(2007/017))
- Pereira, T., Ramalho, A. M., Valente, A. R. S., Couto, P. S., & Lousada, M. (2022). The effects of the Pragmatic Intervention Programme in children with autism spectrum disorder and developmental language disorder. *Brain Sciences*, 12(12), 1640. <https://doi.org/10.3390/brainsci12121640>
- Pouscoulous, N. (2023). More than one path to pragmatics? Insights from children’s grasp of implicit, figurative and ironical meaning. *Cognition*, 240, 105531. <https://doi.org/10.1016/j.cognition.2023.105531>
- Prutting, C. A., & Kirchner, D. M. (1987). A clinical appraisal of the pragmatic aspects of language. *Journal of Speech and Hearing Disorders*, 52(2), 105–119. <https://doi.org/10.1044/jshd.5202.105>
- Tomasello, M. (2003). *Constructing a language: A usage-based theory of language acquisition*. Cambridge, MA: Harvard University Press.
- UNICEF. (2018). *Learning through play: Strengthening learning through play in early childhood education programmes*. New York, NY: UNICEF.
- Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Cambridge, MA: Harvard University Press.
- Weisberg, D. S., Hirsh-Pasek, K., Golinkoff, R. M., Kittredge, A. K., & Klahr, D. (2016). Guided play: Principles and practices. *Current Directions in Psychological Science*, 25(3), 177–182. <https://doi.org/10.1177/0963721416645512>
- Zosh, J. M., Hirsh-Pasek, K., Hopkins, E. J., Jensen, H., Liu, C., Neale, D., Solis, S. L., & Whitebread, D. (2017). *Learning through play: A review of the evidence*. Billund, Denmark: The LEGO Foundation.
- Zosh, J. M., Hirsh-Pasek, K., Hopkins, E. J., Jensen, H., Liu, C., Neale, D., Solis, S. L., & Whitebread, D. (2018). Accessing the inaccessible: Redefining play as a spectrum. *Frontiers in Psychology*, 9, 1124. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2018.01124>